

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VIÊN CHỨC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Văn Phúc*
Lê Thị Lan Chi**

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, viên chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức Trường Đại học TDTT Bắc Ninh giai đoạn 2015-2019, làm căn cứ khoa học đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức tại Trường.

Từ khóa: Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Actual situation of training officials at Bac Ninh Sports University

Summary:

Through regular scientific research methods, the topic has assessed the current status of officials force and officials-training activities at Bac Ninh Sports University in the period 2015-2019. Therefore, the topic has proposed solutions to improve the efficiency of state management in training university's officials force.

Keywords: Training officials, Bac Ninh Sports University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là cơ sở đào tạo công lập được Nhà nước ra quyết định thành lập trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và luôn được coi là một trong những cơ sở đào tạo hàng đầu về nguồn lực cán bộ TDTT. Trong nhiều năm qua, chính sách quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức (CBVC) tại Trường đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, được các Bộ, Ban, Ngành và toàn xã hội thừa nhận. Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới không ngừng về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nói chung và đội ngũ cán bộ TDTT nói riêng, Nhà trường cần thiết phải có giải pháp mới, phù hợp về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo yêu cầu của thời đại mới.

Để có căn cứ tác động các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC tại Trường, nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC tại Trường là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo; Phương pháp quan sát sự phạm; phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, thời điểm năm 2019.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Tổng quan về đội ngũ cán bộ, viên chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Đội ngũ CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh theo thống kê năm 2015 là 232 người. Năm 2019, tổng số cán bộ, viên chức là 253 người. CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh có tỷ lệ tốt nghiệp chuyên ngành TDTT cao, khoảng 80%.

Trong 5 năm qua, Nhà trường cũng rất chú trọng đến vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức. Vì vậy, trình độ, năng

*PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

BÀI BÁO KHOA HỌC

lực của đội ngũ CBVC của nhà trường được nâng lên rõ rệt cả về trình độ lý luận chính trị, cũng như chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học... từng bước đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển nhà trường.

1.1. Trình độ chuyên môn

Thống kê học vị và trình độ chuyên môn của đội ngũ CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2015 và 2019 được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Thống kê trình độ chuyên môn của đội ngũ CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh các năm 2015 và 2019

(Đơn vị tính: Người)

Học vị	Năm 2015 (n=235)		Năm 2019 (n=253)		Mức tăng	So sánh	
	m _i	%	m _i	%		χ^2	P
Tiến sĩ	40	17.02	68	26.88	70	15.62	<0.05
Thạc sĩ	141	60.00	122	48.22	-13.47		
Cử nhân	33	14.04	46	18.18	39.39		
Dưới cử nhân	21	8.94	17	6.72	-19.04		

(Nguồn: Phòng Hành chính Tổng hợp)

Qua bảng 1 cho thấy: Nhìn vào bảng thống kê có thể nhận thấy trình độ chuyên môn đội ngũ CBVC Nhà trường có nhiều biến động. Năm 2015, đội ngũ CBVC Nhà trường có 40 tiến sĩ, đến năm 2019 con số này tăng lên 68, tăng 70% so với năm 2015; trình độ thạc sĩ là 141 năm 2015 và 122 năm 2019, giảm 13.47%; trình độ cử nhân năm 2015 là 33 và 2019 là 46, mức tăng là 39.39%; trình độ dưới cử nhân năm 2015 là 21 và 2019 là 17, giảm 19.04%. Khi so sánh trình độ chuyên môn của cán bộ giáo viên

năm 2015 và năm 2019 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$).

1.2. Trình độ lý luận chính trị

Kết quả thống kê trình độ chính trị của CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2015 và 2019 được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Trình độ lý luận chính trị cũng được nâng lên: Năm 2015 có 09 cán bộ có trình độ Cao cấp LLCT, đến năm 2019 tăng lên 13 cán bộ. Trình độ trung cấp LLCT năm 2015 là 74 cán bộ, đến năm 2019 tăng lên 76

Bảng 2. Thống kê trình độ lý luận chính trị của CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2015 và 2019

Trình độ	Năm 2015 (n=235)		Năm 2019 (n=253)		Mức tăng	So sánh	
	m _i	%	m _i	%		χ^2	P
Cao cấp	9	3.83	16	6.32	77.78	2.89	>0.05
Trung cấp	74	31.49	76	30.04	2.7		
Cử nhân	2	0.85	1	0.40	-50		
Sơ cấp	150	63.83	160	63.24	6.67		

(Nguồn: Phòng Hành chính, Tổng hợp)

cán bộ. Tuy nhiên, khi so sánh trình độ chính trị của cán bộ, giáo viên Trường năm 2015 và năm 2019 chưa thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

1.3. Trình độ tin học, ngoại ngữ

Kết quả thống kê trình độ tin học, ngoại ngữ của đội ngũ CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Thống kê trình độ tin học, ngoại ngữ của CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2015 và 2019

Nội dung	Tiêu chí	Năm 2015 (n=235)		Năm 2019 (n=253)		Mức tăng	So sánh	
		m _i	%	m _i	%		χ^2	P
Trình độ ngoại ngữ	Thạc sĩ	7	2.98	4	1.58	-42.86	68.59	<0.05
	Cử nhân	3	1.28	71	28.06	2266.67		
	Chứng chỉ	225	95.74	178	70.36	-20.89		
Trình độ tin học	Thạc sĩ	2	0.85	2	0.79	0	0.01	>0.05
	Cử nhân	1	0.43	1	0.4	0		
	Chứng chỉ	232	98.72	250	98.81	7.76		

(Nguồn: Phòng Hành chính, Tổng hợp)

Qua bảng 3 cho thấy: Để đáp ứng tiêu chuẩn đặt ra đối với CBVC, ngoài việc trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên môn còn phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học. Trình độ ngoại ngữ năm 2019, nhà trường có 4 thạc sĩ, 71 cử nhân. So với năm 2015 là 7 thạc sĩ, 3 cử nhân. Còn lại đều đạt chứng chỉ Tiếng Anh các trình độ B, C. Có sự thay đổi trên là do các cán bộ đến tuổi nghỉ hưu và hiện nay, Nhà trường đã và đang có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho các CBVC bằng các hình thức cử cán bộ

tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng; đào tạo văn bằng 2 chuyên ngành ngôn ngữ Anh tại Trường. Khi so sánh trình độ ngoại ngữ của CBVC thời điểm năm 2015 và năm 2019 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Về trình độ tin học: Không có nhiều sự thay đổi đáng kể trong giai đoạn 2015 và 2019.

Song song với việc thống kê về trình độ đào tạo, chúng tôi tiến hành thống kê về cơ cấu độ tuổi của CBVC Trường đại học TDTT Bắc Ninh. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Bảng 4. Thống kê cơ cấu độ tuổi và giới tính của CBVC Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trong 2 năm 2015 và 2019

Nhóm	Phân loại	Năm 2015 (n=235)		Năm 2019 (n=284)		So sánh	
		m _i	%	m _i	%	χ^2	P
Độ tuổi	≤ 30 tuổi	29	12.34	19	7.51	13.99	<0.05
	Từ 31 đến ≤ 40 tuổi	145	61.7	158	62.45		
	Từ 41 đến ≤ 50 tuổi	37	15.74	63	24.9		
	> 50 tuổi	24	10.21	13	5.14		
Giới tính	Nam	165	70.21	170	67.19	1.5	>0.05
	Nữ	70	29.79	83	32.81		

(Nguồn: Phòng Hành chính, Tổng hợp)

Qua bảng 4. cho thấy:

Về cơ cấu theo độ tuổi: Nhìn chung đội ngũ CBVC Nhà trường có cơ cấu trẻ. Lực lượng cán bộ đảm bảo tập chung chủ yếu từ 31 đến ≤ 40 tuổi ở cả năm 2015 và 2019. Ở độ tuổi ≤ 30 tuổi, nếu năm 2015 chiếm 12.34% thì năm 2019 chỉ còn chiếm 7.51% cơ cấu. Sự chuyển dịch làm biến động ở độ tuổi >50 tuổi giữa 2 thời điểm, ở năm 2015 độ tuổi này chỉ chiếm 10.21% thì sang năm 2019 tăng lên là 24.9%. Khi so sánh sự khác biệt về độ tuổi của CBVC nhà trường thời điểm năm 2015 và năm 2019 có sự khác

biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$).

Về cơ cấu theo giới tính: Trong 5 năm (2015 - 2019), nhìn chung cơ cấu giới tính của CBVC Nhà trường không có sự thay đổi, thể hiện rõ sự ổn định. Khi so sánh sự khác biệt về giới tính CBVC giữa thời điểm năm 2015 và thời điểm năm 2019 chưa thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

1.4. Về thâm niên công tác

Thống kê chi tiết về thâm niên công tác của đội ngũ CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Thống kê thâm niên công tác của của CBVC Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trong 2 năm 2015 và 2019

Thâm niên	Năm 2015 (n=235)		Năm 2019 (n=253)		Mức tăng	So sánh	
	m _i	%	m _i	%		χ ²	P
Dưới 5 năm	8	3.40	4	1.58	-50	11.62	<0.05
Từ 5-10 năm	53	22.55	39	15.42	-26.42		
Từ 10-20 năm	136	57.87	146	57.71	7.35		
Từ 20 năm trở lên	38	16.17	64	25.3	68.42		
Tổng:	235	100	253	100			

(Nguồn: Phòng Hành chính, Tổng hợp)

Qua bảng 5 cho thấy:

Về thâm niên công tác: Thâm niên công tác của CBVC tập trung chủ yếu ở mức từ 10-20 năm ở cả 2 năm 2015 và 2019 với mức 57.87% và 57.71%. Ở năm 2019, thâm niên công tác của CBVC cao hơn ở mức thâm niên từ 20 năm trở lên với 25.3% so với mức 16.17% của năm 2015. Theo đó, năm 2015, thâm niên công tác của CBVC tập trung nhiều hơn ở mức từ 5-10 năm với 22.25% và dưới 5 năm với 3.4%. Số liệu tương tự ở năm 2019 lần lượt là 15.42% và 1.58%. Như vậy, năm 2019, thâm niên công tác của CBVC cao hơn của năm 2015. Khi so sánh thâm niên công tác của CBVC Nhà trường thời điểm năm 2015 và năm 2019 thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$).

thể thao Bắc Ninh nhìn chung có trình độ học vấn cao. Trong những năm gần đây, trình độ năng lực của đội ngũ CBVC được nâng lên, từng bước đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn đối với CBVC. Các cán bộ quản lý đều được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý. Đa số CBVC nhà trường có trình độ tương xứng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Hạn chế: Kỹ năng hành chính, kiến thức hỗ trợ như tin học còn yếu, nhất là đối với đối tượng CBVC trẻ làm ảnh hưởng đến chất lượng công việc. Khả năng hội nhập, năng lực sáng tạo và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế, chưa tương ứng với yêu cầu phát triển của thời đại. Nhận thức của CBVC trong tình hình mới chưa thật rõ ràng, thống nhất. Một bộ phận nhỏ chưa tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc còn đối phó, chưa chủ động.

Qua phân tích về tổng quan đội ngũ CBVC cho thấy:

- Ưu điểm: CBVC Trường Đại học Thể dục

Như vậy, về tổng quan, đội ngũ CBVC

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong những năm qua xét về trình độ, năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ... ngày càng được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên, để chất lượng CBVC được nâng cao hơn nữa, cần quan tâm chú trọng đến vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ; phổ biến các đường lối, chính sách có liên quan; thúc đẩy khả năng tự học tập, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CBVC.

2. Bối cảnh tác động đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

+ *Bối cảnh quốc tế:*

Phát triển kinh tế tri thức là xu thế của thế kỷ XXI. Khoa học công nghệ là cơ sở và động lực làm thay đổi nội dung, phương pháp giáo dục trong các trường, đòi hỏi giáo dục phải cung cấp được nguồn nhân lực cao cho nền kinh tế tri thức. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là vấn đề đặt ra cho mỗi quốc gia, mỗi trường đại học phải quan tâm. Cạnh tranh kinh tế đòi hỏi mỗi quốc gia phải đổi mới công nghệ để tăng năng suất lao động, do đó giáo dục phải tiên phong. Do đó phát triển giáo dục và đào tạo là tiền đề có ý nghĩa quyết định sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Xu hướng xã hội hóa và chuyên nghiệp hóa trong lĩnh vực TDTT đã và đang phát triển mạnh mẽ, rõ rệt, thể hiện ở số lượng các câu lạc bộ TDTT ngày càng tăng, nhiều tổ chức, tập đoàn đầu tư cho phát triển TDTT. Việc phát triển các phương tiện truyền thông, mạng viễn thông, công nghệ thông tin tạo điều kiện mở rộng, hội nhập văn hóa, tiếp thu giá trị văn hóa tinh hoa của mỗi quốc gia.

+ *Bối cảnh trong nước:*

Trong cương lĩnh phát triển bền vững đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định khoa học công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu và đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo như: Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020; Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2009 – 2020, Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020.

Tình hình kinh tế, chính trị, an ninh trong hơn 20 năm đổi mới luôn phát triển và ổn định. Đời sống kinh tế của nhân dân được nâng lên rõ rệt,

từ nước có thu nhập thấp đến 2010 đã trở thành nước có mức thu nhập trung bình. Tất cả những bối cảnh ấy là tiềm năng cho phát triển giáo dục nói chung và nói riêng đối với mỗi trường. Đó là lợi thế cho xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Hiện nay, số lượng các cơ sở đào tạo cán bộ TDTT ngày càng tăng (đã có trên 60 cơ sở) đã và đang tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ về số lượng và chất lượng đào tạo. Đây chính là thách thức, nguy cơ làm mất vị trí số một của nhà trường, do vậy đòi hỏi nhà trường phải định hướng phát triển có tính chiến lược rất cao.

Bối cảnh quốc tế và trong nước đã tạo ra những thời cơ thuận lợi, đồng thời cũng đặt ra những khó khăn, thách thức cần phải nghiên cứu trong quá trình xây dựng Đề án phát triển Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

3. Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức ở Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trong giai đoạn 2015 - 2019

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2015 – 2019 được trình bày cụ thể tại bảng 6.

Qua bảng 6 cho thấy:

Trong 5 năm, công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

- Về đối tượng cử đi đào tạo, bồi dưỡng: Tùy thuộc vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà đối tượng cử đi được phân bổ đều đặn giữa ngạch chuyên viên, giảng viên và huấn luyện viên; giữa các cán bộ quản lý.

- Tập trung trang bị kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ; lý luận chính trị; kiến thức quản lý nhà nước nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ngạch và chức danh nghề nghiệp.

- Việc cử cán bộ tham dự các khóa bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh không được diễn ra thường xuyên.

- Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn kiến thức nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn: Luật thi đấu, trọng tài, ngoại ngữ, tin học, pháp chế, về công tác đào tạo, khảo thí...

- Cử các cán bộ đi đào tạo, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài.

- Đáp ứng nhu cầu cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng theo nguyện vọng cá nhân.

- Về sử dụng kinh phí:

Bảng 6. Thống kê số lượng cán bộ cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong các năm từ 2015 đến 2019

(Tinh theo số lượt người tham gia đào tạo, bồi dưỡng)

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tiến sĩ	4	8	4		1
2	Thạc sĩ	4	5	2	4	2
3	Cử nhân (văn bằng 2)	58 (TA)			22 (TA)	43 (42 TA)
4	Cao cấp LLCT	1		2	2	1
5	Trung cấp LLCT	1	3	6	9	3
6	CVCC/GVCC				22	1
7	Chuyên viên chính/GVC	1	3	87	5	1
8	Chuyên viên	112				3
9	Ngạch cán sự			4		
10	Ngoại ngữ	4				
11	Tin học	3				
12	Kiến thức quốc phòng, AN	6	1	5		1
13	Cấp Vụ và tương đương					5
14	Cấp phòng và tương đương					66
15	Khác	32	55	105	105	50

(Nguồn: Phòng Hành chính Tổng hợp)

Kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh giai đoạn 2015 - 2019 được phân bổ như sau:

- Năm 2015: 0.4%;
- Năm 2016: 0.4 %;
- Năm 2017: 0.5 %;
- Năm 2018: 0.5 %;
- Năm 2019: 0.6 %.

• Về thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ:

Chế độ chính sách dành cho cán bộ cử đi đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo Quy định hiện hành hàng năm.

• Về kinh phí: Thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của năm hiện hành.

Hỗ trợ kinh phí đào tạo (sau khi nhận bằng) được thể hiện trong bảng 7.

Về chế độ khác: Đối với cán bộ giảng viên: Được giảm trừ giờ tùy thuộc vào hình thức đào tạo, bồi dưỡng mà cá nhân tham gia. Đối với cán bộ

hành chính: Được tạo điều kiện sắp xếp công việc phù hợp để hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Như vậy, sau 5 năm thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh đã thu được một số kết quả nhất định đó là đã tạo ra cho nhà trường một đội ngũ cán bộ, viên chức trưởng thành về mặt chính trị, đạo đức, có năng lực chuyên môn hoạt động thực tiễn đóng góp một phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường. Song công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC của Nhà trường còn tồn tại một số hạn chế nhất định trên một số lĩnh vực, do vậy cần phải tăng cường quản lý Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC nhằm đáp ứng được các yêu cầu mới đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

- Cán bộ, viên chức Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nhìn chung có trình độ học vấn cao,

Bảng 7. Mức hỗ trợ kinh phí cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng trong các năm từ 2015 đến 2019

Lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng	Nội dung	Mức hỗ trợ
Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị	Cao cấp LLCT	5.000.000 đồng
	Trung cấp LLCT	2.000.000 đồng
Học sau đại học	Tiến sĩ	15.000.000 đồng
	Thạc sĩ	5.000.000 đồng
	Cử nhân (văn bằng 2)	5.000.000 đồng
Đào tạo, bồi dưỡng chứng chỉ theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp	Quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính; chứng chỉ nghiệp vụ ngạch kế toán viên, giảng viên/giảng viên chính; huấn luyện viên/huấn luyện viên chính...	2.000.000 đồng
Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học do quốc tế cấp chứng chỉ, văn bằng	Đào tạo tin học chứng chỉ quốc tế	2.000.000 đồng
	Đào tạo ngoại ngữ chứng chỉ quốc tế	5.000.000 đồng

đa số được đào tạo và có trình độ tương xứng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Tuy nhiên, kỹ năng hành chính, kiến thức bổ trợ như tin học còn yếu, nhất là đối với đối tượng cán bộ trẻ, làm ảnh hưởng đến chất lượng công việc.

- Bối cảnh chính ảnh hưởng tới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh gồm bối cảnh quốc tế như phát triển kinh tế tri thức và xu hướng xã hội hóa và chuyên nghiệp hóa trong lĩnh vực TDTT và bối cảnh trong nước như: Cương lĩnh phát triển bền vững đất nước; tình hình kinh tế, chính trị, an ninh trong nước...

- Sau 5 năm thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã thu được một số kết quả nhất định, đó là đã tạo ra cho Nhà trường một đội ngũ CBVC trưởng thành về mặt chính trị, đạo đức, có năng lực chuyên môn hoạt động thực tiễn, đóng góp một phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường. Song công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC của Nhà trường còn tồn tại một số hạn chế nhất định

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo sự phát triển mạnh mẽ về Thể dục thể thao đến năm 2020.*

2. Bộ Nội vụ (2014), *Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 về việc quy định, hướng dẫn hướng dẫn công tác đào tạo bồi dưỡng viên chức.*

3. Bộ Nội vụ (2017), *Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.*

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Quyết định số 3076/QĐ-BVHTTDL ngày 29/9/2011 về việc Quy hoạch phát triển nhân lực nhóm ngành Văn hóa, Thể thao giai đoạn 2011 – 2020.*

5. Triệu Văn Cường (2020), “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam”, *Tap chí Tổ chức Nhà nước*, Số 2, Bộ Nội vụ, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 10/11/2020, phản biện ngày 16/11/2020, duyệt in ngày 4/12/2020
 Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Văn Phúc,
 Email: nguyenvanphuchn@gmail.com)